TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 191/2022/QĐST - HNGĐ	*K, ngày 11 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1992;

- Bị đơn: Anh Bùi Đức M, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Xóm Tr, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 37 và Điều 60 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1992 và anh Bùi Đức M, sinh năm 1988, đều trú tại: Xóm Tr, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Đức M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Đức M có hai con chung là Bùi Thị Thu T, sinh ngày 08/10/2014 và Bùi Hương G, sinh ngày 09/3/2019. Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Đức M thỏa thuận chị Bùi Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng,

trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật và chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con.

Anh Bùi Đức M được quyền thăm nom con chung mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Xác nhận anh chị khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Đức M xác nhận có nợ ngân hàng chính sách xã hội số tiền 20.000.000VND *(hai mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hồ sơ vay vốn mã khách hàng 1700093928 của Ngân hàng chính sách xã hội, mã món vay 6600000717427483, vay ngày 23/3/2020 theo sản phẩm vay cho hộ nghèo, thời hạn trả nợ cuối cùng là 23/3/2025. Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Đức M thỏa thuận anh Bùi Đức M có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền 20.000.000VND *(hai mươi triệu đồng)* khi đến hạn và lãi phát sinh, tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* đã bao gồm phần án phí của anh M, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000VND *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005230, ngày 17/10/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đối trừ chị Bùi Thị Th đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí và được hoàn trả lại 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H - nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS.